

Số: 1032 ICT/ĐTNN

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2005

V/v: xác định thuế GTGT, thuế TNCN và các
chi phí khi quyết toán thuế từ năm 1999-2002

Kính gửi: Công ty liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ

Trả lời công văn không số ngày 6/12/2004 của Công ty liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ đề nghị hướng dẫn cách tính thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế giá trị gia tăng (GTGT), chi phí đi công tác của thành viên hội đồng quản trị khi ghi nhận góp vốn của phía nước ngoài trong liên doanh... khi thực hiện quyết toán thuế giai đoạn 1999-2002 tại Công ty, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Thuế thu nhập cá nhân:

- Đối với tiền nhà: Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 39/TC/TCT ngày 26/6/1997 và Thông tư số 05/2002/TT/BTC ngày 17/1/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế TNCN thì thu nhập chịu thuế đối với tiền nhà tính theo số thực tế chi trả hộ nhưng không vượt quá 15% số thu nhập về tiền lương, tiền công, tiền thù lao (không bao gồm phụ cấp độc hại).

- Thuế TNCN của người nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

+ Thời điểm trước ngày 1/7/2001: theo hướng dẫn tại Thông tư số 39 TC/TCT ngày 26/6/1997 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập đối với thu nhập thường xuyên của người nước ngoài được kê khai quyết toán theo tiêu thức cư trú. Trường hợp năm trước đã xác định là đối tượng cư trú, thì thời gian kế tiếp của năm sau cũng được xác định là đối tượng cư trú.

+ Thời điểm từ 1/7/2001: theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2002/TT/BTC ngày 17/1/2001 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập đối với thu nhập thường xuyên của người nước ngoài được kê khai và quyết toán theo tiêu thức cư trú. Trường hợp năm trước đã xác định là đối tượng cư trú, thì thời gian kế tiếp của năm sau cũng được xác định là đối tượng cư trú.

Như vậy, trường hợp bà Panaporn (kế toán trưởng Công ty Đình Vũ) đến Việt Nam từ năm 1997 nếu năm tính thuế thứ 2 (1998) đã được xác định là đối tượng cư trú thì các năm tiếp theo cũng được xác định là đối tượng cư trú và thực hiện nộp thuế TNCN theo biểu thuế lũy tiến đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam (Biểu thuế lũy tiến được áp dụng cụ thể theo thời điểm hiệu lực của Thông tư số 39 TC/TCT ngày 26/6/1997 hoặc Thông tư số 05/2001/TT-BTC ngày 17/1/2001 của Bộ Tài chính).

2. Thuế GTGT đối với doanh thu bảo dưỡng:

Theo điểm 3, công văn số 55/CT-ĐTNN ngày 17/1/2005 và Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế TP.Hải Phòng thì "ý kiến đoàn thanh tra thuế là từ năm 1999 đến 2002 đối với dịch vụ bảo dưỡng, cung cấp điện, nước Công ty hạch toán kết quả kinh doanh chênh lệch so với doanh thu phát hành hoá đơn và kê khai thuế GTGT", trong khi đó tại văn thư đề ngày 6/12/2004 Công ty phản ánh "Cục thuế TP.Hải Phòng cho rằng Đình Vũ phát hành hoá đơn

hàng năm là đã nộp thuế GTGT đầy đủ nhưng vẫn là không đúng với Luật thuế hiện hành, phải chịu phạt hành chính do kê khai không đúng qui định và yêu cầu Đình Vũ phải phát hành hoá đơn tiền bảo dưỡng hàng tháng".

Căn cứ theo qui định tại điểm 1, mục II, phần C Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 và điểm 1, mục II, phần C Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính qui định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT thì: cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT phải lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào bán ra theo mẫu qui định. Thời điểm để xác định doanh thu tính thuế GTGT phát sinh là thời điểm cơ sở kinh doanh đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cung ứng dịch vụ cho người mua, không phân biệt người mua đã trả tiền hay chưa trả tiền.

Đề nghị Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT theo đúng qui định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Các trường hợp vi phạm về kê khai nộp thuế sẽ bị xử lý theo qui định hiện hành về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực thuế.

3. Chi phí đi công tác của các thành viên hội đồng quản trị:

Căn cứ theo qui định tại Thông tư số 13/2001/TT-BTC ngày 8/3/2001 của Bộ Tài chính thì các khoản chi liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị của doanh nghiệp liên doanh nếu phù hợp với Điều lệ liên doanh hoặc quyết nghị của Hội đồng quản trị thì được xác định là các khoản chi hợp lý trong năm tính thuế. Các khoản chi phí này phải có chứng từ gốc để chứng minh theo qui định hiện hành.

4. Góp vốn của liên doanh:

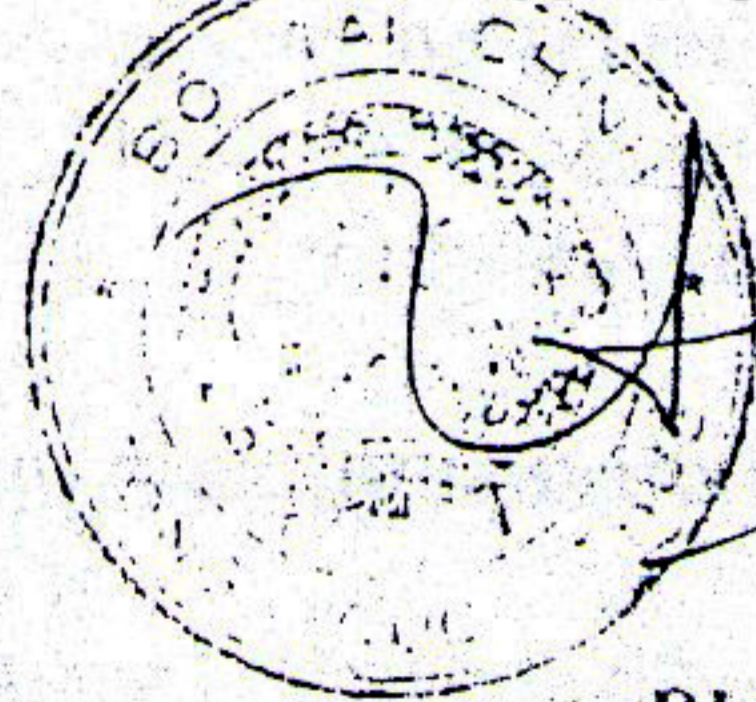
Việc góp vốn bằng các khoản chi phí trước khi thành lập doanh nghiệp của Công ty liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ, Tổng cục Thuế đã trả lời Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Hải Phòng tại công văn số 325 TCT/NV5 ngày 18/1/2002. Đề nghị Công ty thực hiện đúng theo các nội dung đã được hướng dẫn tại công văn này.

Tổng cục Thuế trả lời đề Công ty liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ được biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên
- Cục thuế TP. Hải Phòng
- Lưu: VP (HC), ĐTNN (2b)

KT/ TÔNG CỤC TRƯỞNG TÔNG CỤC THUẾ
PHÓ TÔNG CỤC TRƯỞNG



Phạm Văn Huyền